TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 06/2019/QĐST-DS
Về việc: "Chia thừa kế"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ:

- Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 5, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 614; 616; 617; 618; 623; 649; 650; 651; 654; 660; Khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

- Luật đất đai năm 2013;

- Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 32/2019/DSST ngày 08/5/2019, về việc: *"Tranh chấp thừa kế"*, của Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau:

* NGUYÊN ĐƠN:

Bà H sinh năm 1946.

Hộ khẩu thường trú: số 52B T, Đ, H.

*** BỊ ĐƠN:**

1. Ông H sinh năm 1964.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5 (tổ 32 mới) Q, Phố H, T, H.

Hiện ở tại : số 16 ngõ 1 ngõ C, G, H, H.

Căn cước công dân số : 001064013197 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 05/3/2018 có ghi hộ khẩu thường trú: tổ 32, Q, Phố H, T, H.

2. Ông A sinh năm 1941.

Hộ khẩu thường trú: số 16 ngõ 1 ngõ C, G, H, H. Hiện ở tại: số 51 B, B, H, H.

Ủy quyền cho bà H, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú : Tổ 32 Q, Phố H, T, H.

***NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI NGHĨA VỤ LIÊN QUAN:**

1. Bà O sinh năm 1939.

Hộ khẩu thường trú: số 79 T, Đ, H.

Ủy quyền cho bà TH, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú : Tổ 32 Q, Phố H, T, H.

2. Bà KT sinh năm 1945.

Hộ khẩu thường trú: xã N, N, T.

3. Bà M sinh năm 1950.

Hộ khẩu thường trú: số 229, tổ 18, L, Đ, H.

Hiện ở tại : 81 dãy 3 ngõ 98 H, L, Đ, H

Ủy quyền cho bà H, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú : Tổ 32 Q, phố H, T, H.

4. Bà TH sinh năm 1953.

Hộ khẩu thường trú: số 79 L, H, H.

Hiện ở tại : P 2715 chung cư N1, T, MT, TL, H.

5. Bà L sinh năm 1957.

Hộ khẩu thường trú: số 51 S, H, H.

Ủy quyền cho bà H, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú : Tổ 32 Q, Phố H, H, H.

6. Ông Đặng Tuấn Anh sinh năm 1961.

Hộ khẩu thường trú: 72/201 V, phường 9, quận 5, Thành phố M.

Căn cước công dân số : 001061010075 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/8/2017.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định cụ N sinh năm 1916, chết ngày 08/11/2000. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đặng Xuân Nghĩa vào ngày 08/11/2000.

2. Xác định cụ U sinh năm 1916, chết ngày 09/02/1985. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đỗ Thị U vào ngày 09/02/1985.

3. Cụ N và cụ U chết không để lại di chúc. Chia thừa kế di sản của cụ N và cụ U theo pháp luật.

4. Xác định Nhà đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 777860, MS 640001 nhà số 16 ngõ 1 ngõ C (1 phần), G, H, H do Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 21/6/2005 cho Các thừa kế của : Cụ N (đã chết) và vợ cụ U (đã chết) đứng tên kê khai là : Ông A, ông T, bà KT, bà M, bà H, bà Đặng Thị O, bà TH, bà L là di sản thừa kế của cụ N và cụ U có giá trị là 4.800.000.000 đồng.

5. Xác định thừa kế theo pháp luật của cụ N và cụ U gồm 09 người là: Ông A, bà KT, bà M, bà H, bà O, bà TH, bà L, ông A và ông H. Ông A, bà KT, bà M, bà H, bà O, bà TH, bà L mỗi người được hưởng di sản thừa kế có giá trị là: 600.000.000 đồng. Ông A, ông H mỗi người được hưởng di sản thừa kế có giá trị là: 300.000.000 đồng.

6. Chia hiện vật ông H được hưởng Nhà đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 777860, MS 640001 nhà số 16 ngõ 1 ngõ C (1 phần), G, H, Hà Nội do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 21/6/2005 cấp cho Các thừa kế của : N (đã chết) và vợ cụ U (đã chết) đứng tên kê khai là : Ông A, ông T, bà KT, bà M, bà H, bà Đặng Thị O, bà TH, bà L có giá trị là 4.800.000.000 đồng.

Ông H phải thanh toán cho ông A, bà Đặng Thị Kim Thư, bà Đặng Thị Thúy Mai, bà H, bà Đặng Thị Ngọc Oánh, bà Đặng Thị Thanh Hương, bà Đặng Thị Phương Lan mỗi người số tiền là: 600.000.000 đồng. Ông H phải thanh toán cho ông Đặng Tuấn Anh số tiền là: 300.000.000 đồng.

7. Ông H hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên Nhà đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 777860, MS 640001 nhà số 16 ngõ 1 ngõ C (1 phần), G, H, Hà Nội do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 21/6/2005 cấp cho Các thừa kế của : Cụ N (đã chết) và vợ cụ U (đã chết) đứng tên kê khai là : Ông A, ông T, bà KT, bà M, bà H, bà O, bà TH, bà L tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

III. Về án phí:

1. Án phí dân sự vụ án là: 56.400.000 đồng. Ông A, bà KT, bà M, bà H, bà O, bà TH, bà L mỗi người không phải chịu số tiền 7.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi. Hoàn trả bà H số tiền 20.000.000 đồng bà đã nộp theo biên lai số 0003001 ngày 06/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

2. Ông A, ông H mỗi người phải nộp số tiền là: 3.525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

IV. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

V. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC HÒA